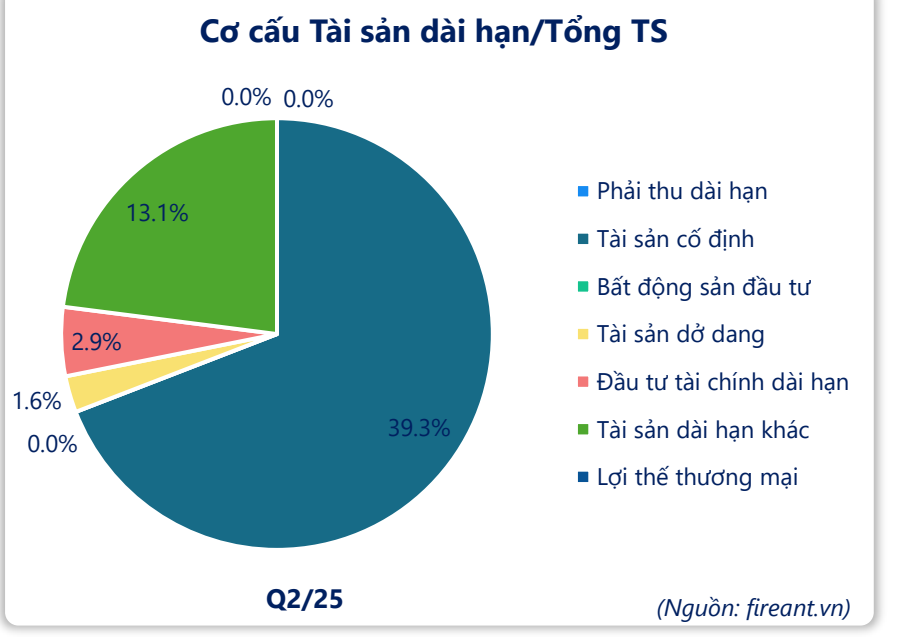
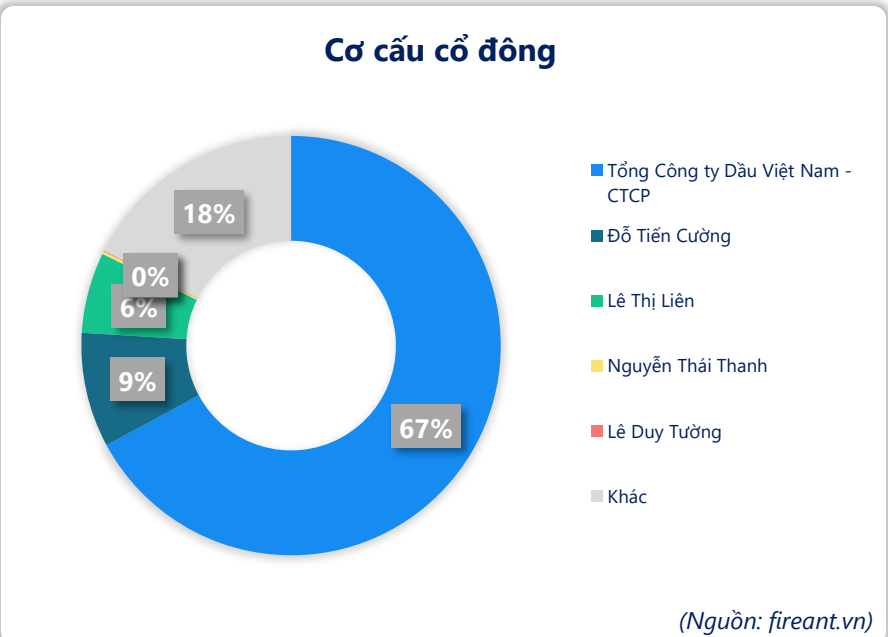
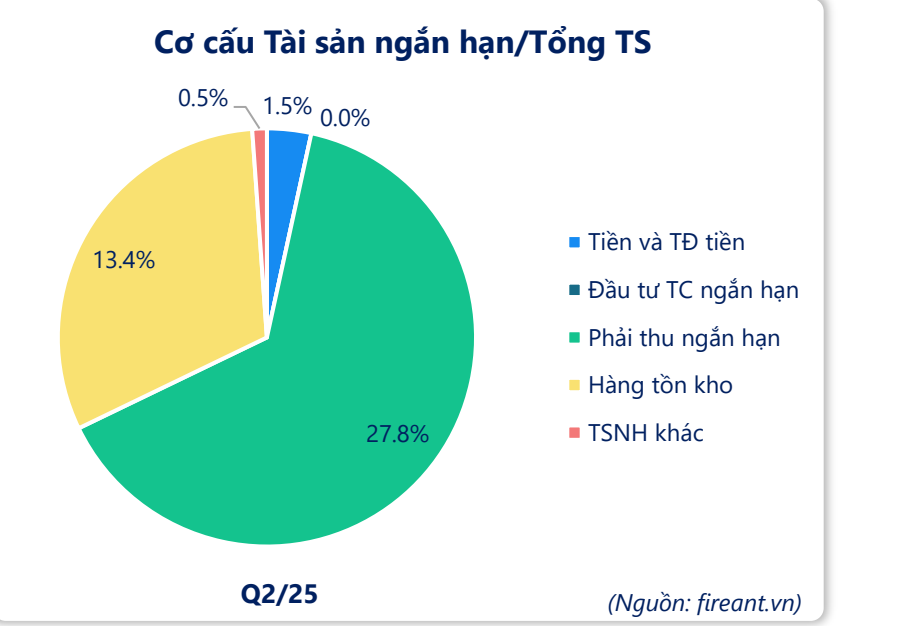
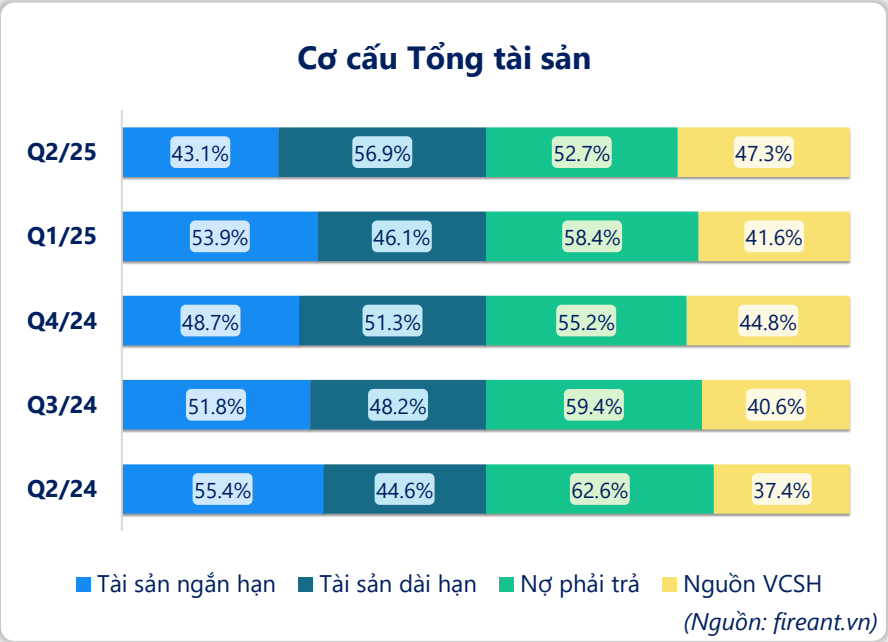
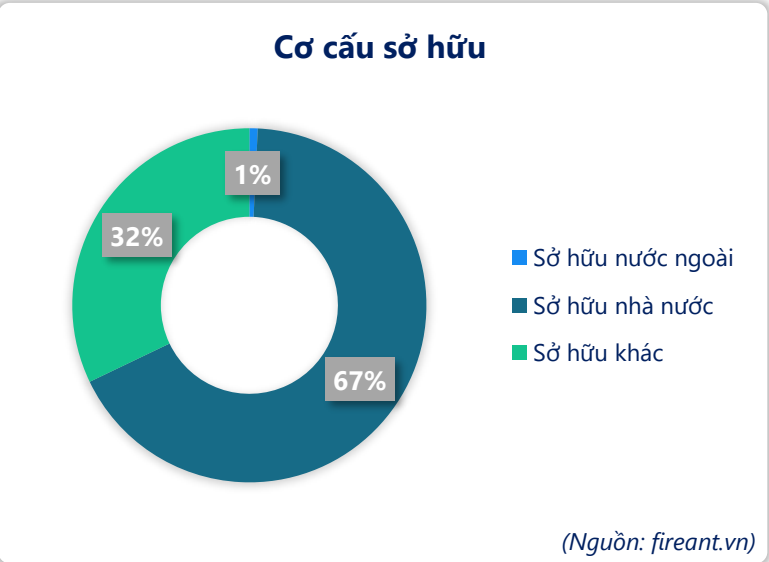
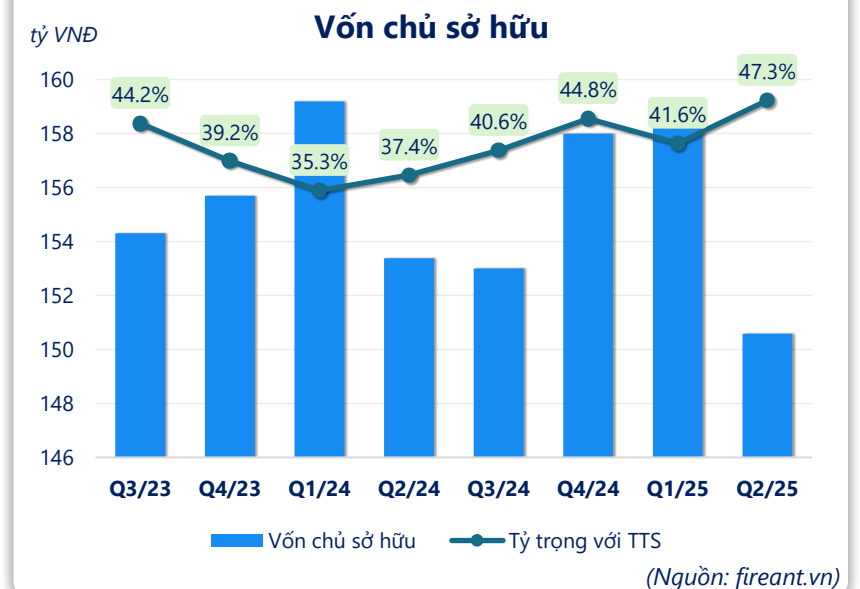
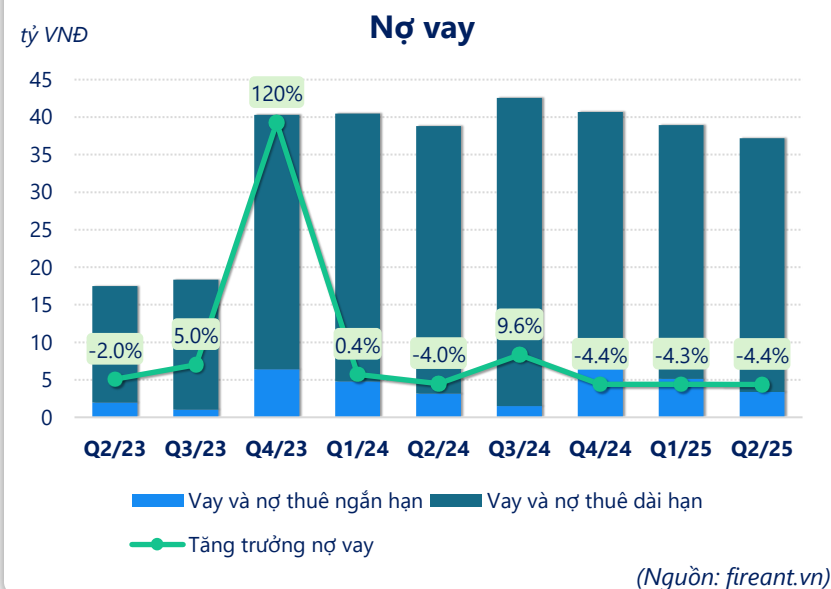
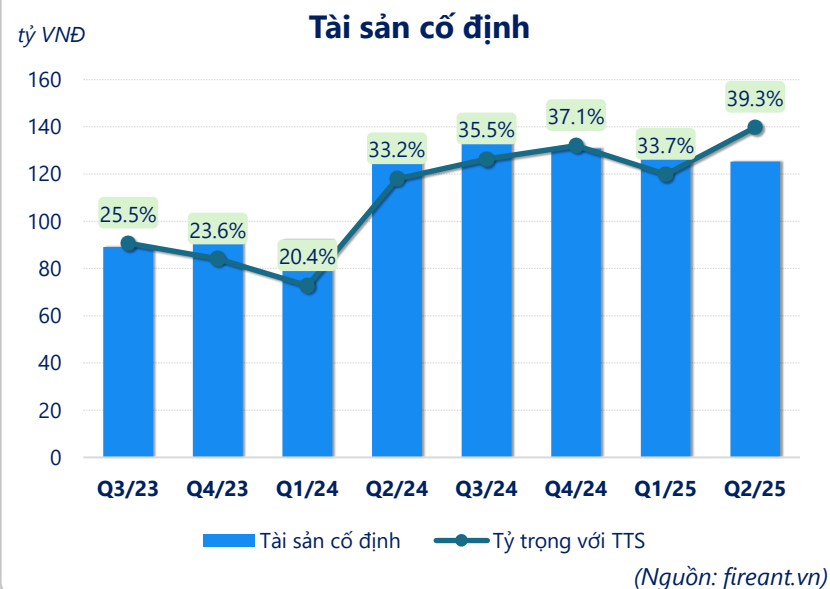
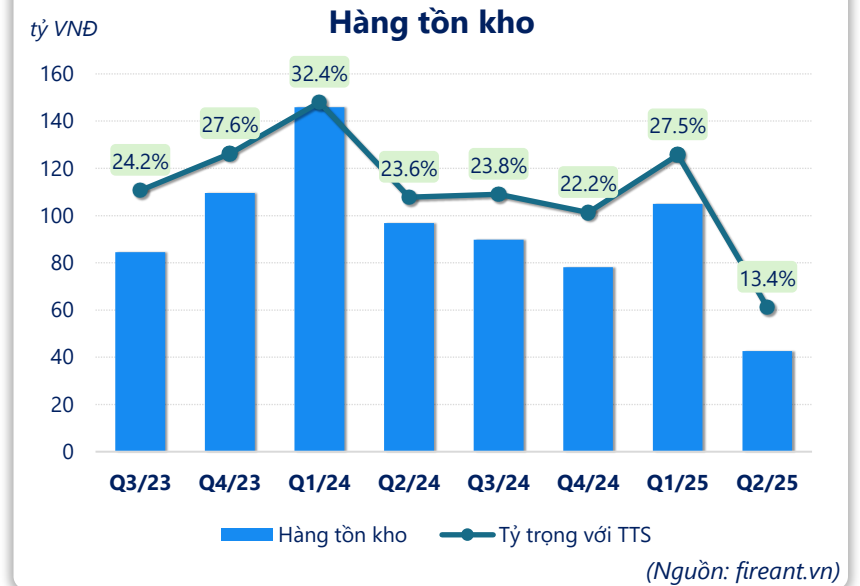
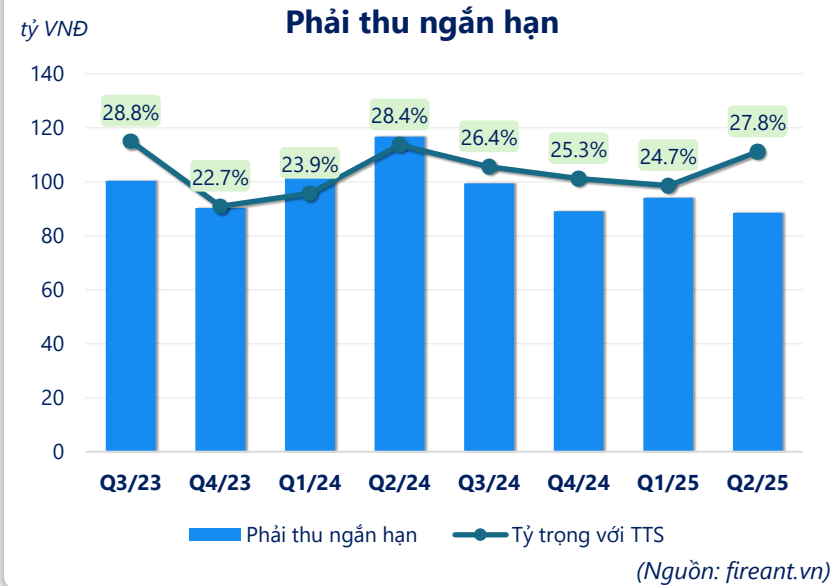
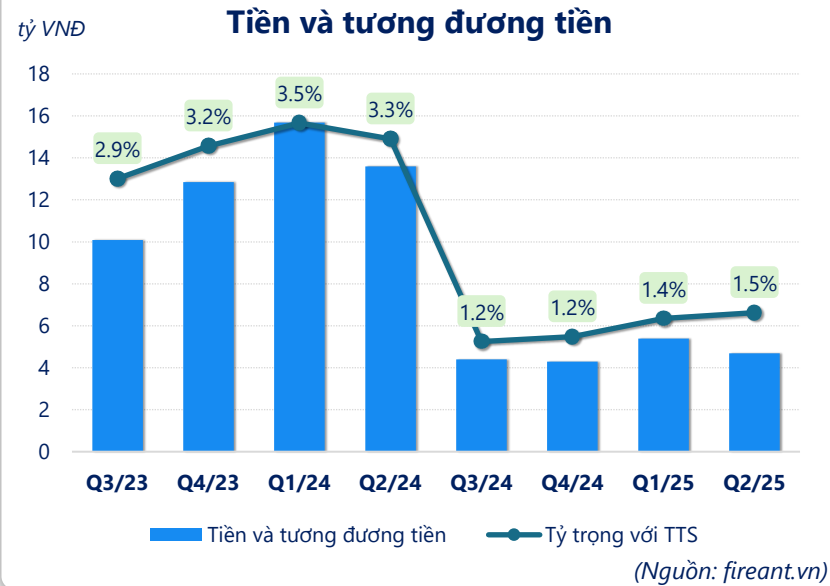
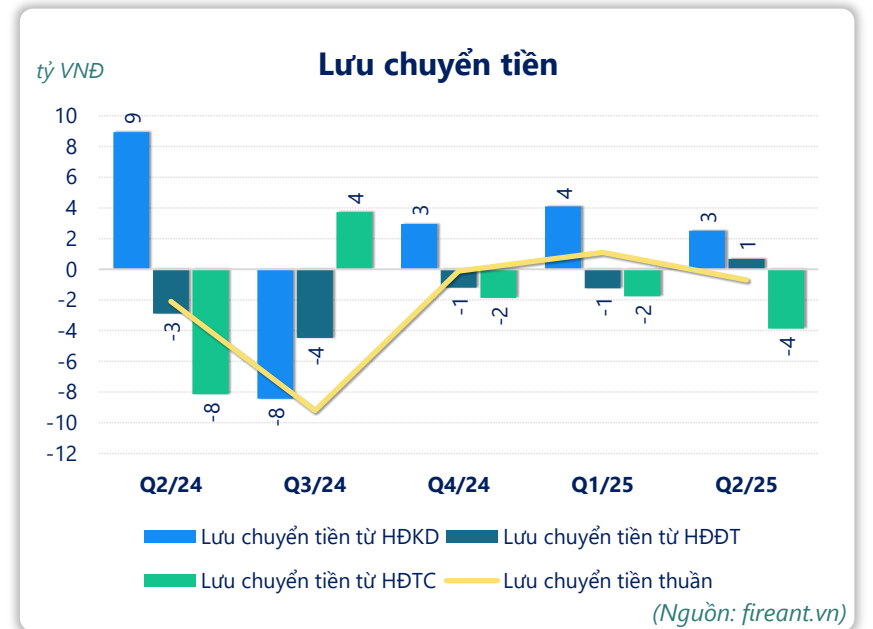
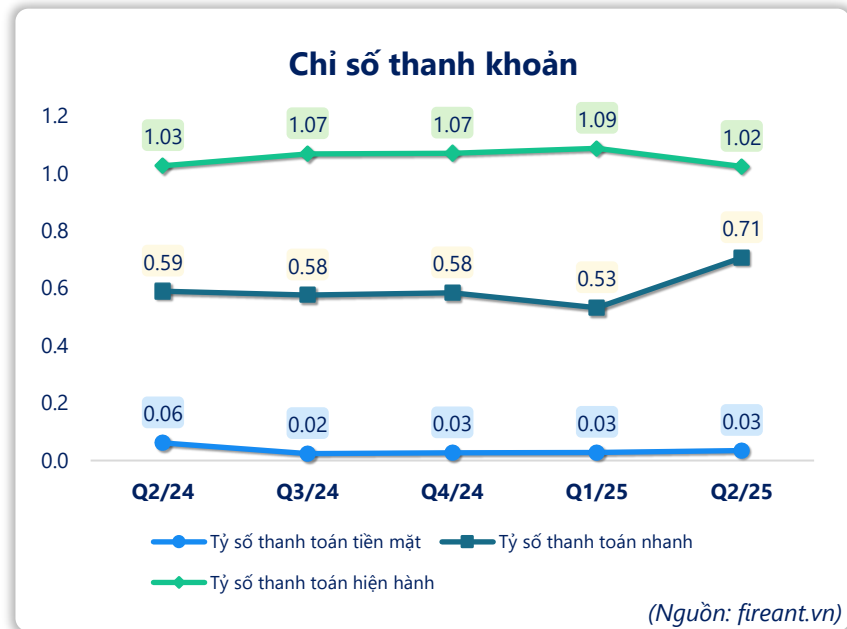
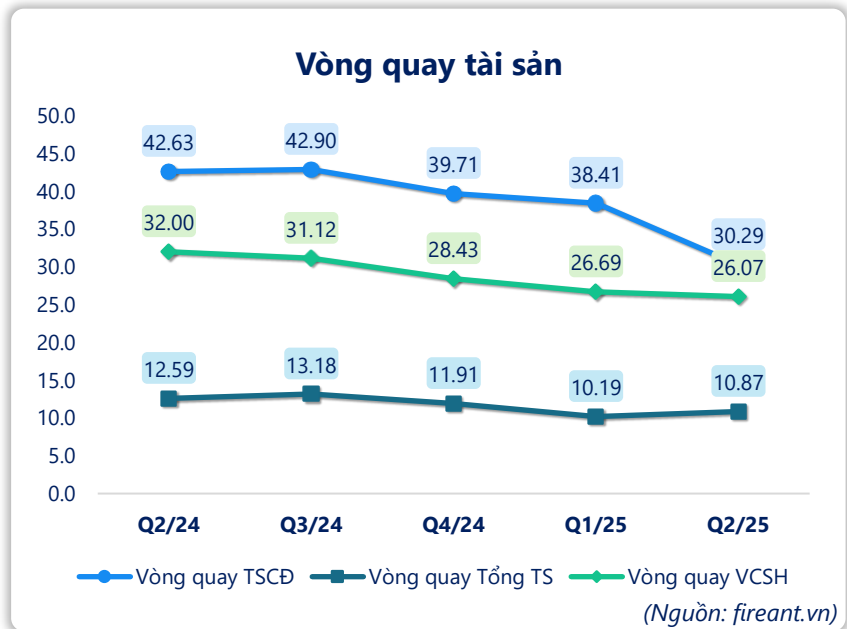
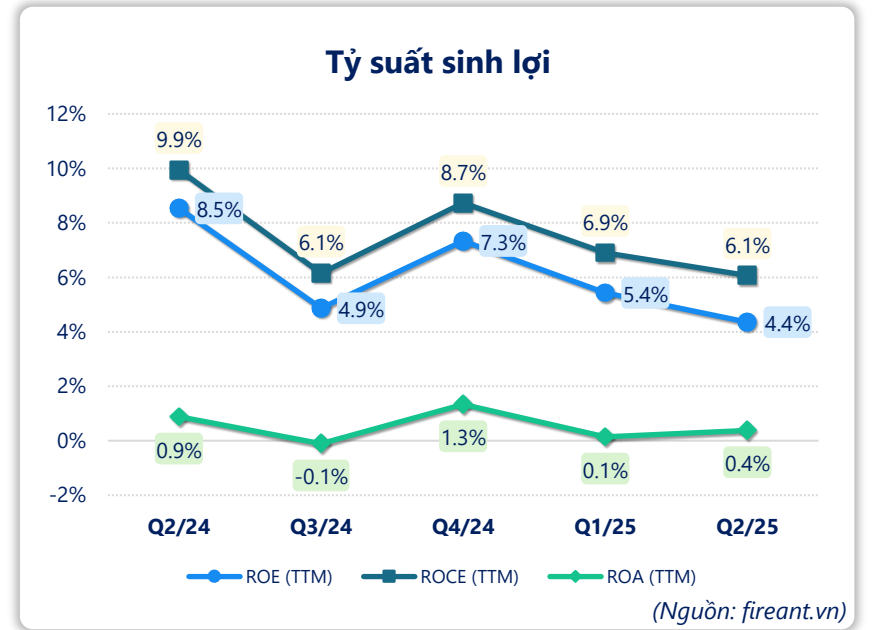
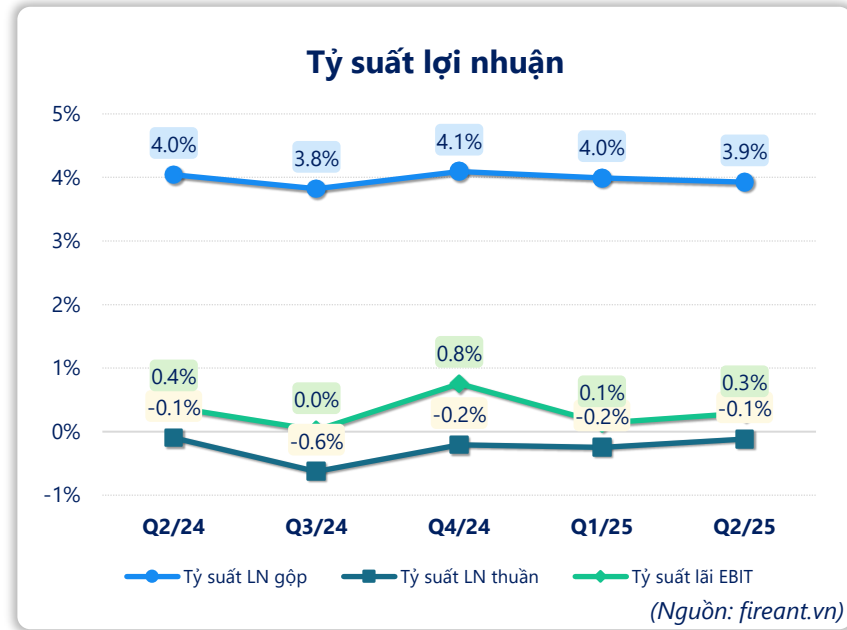
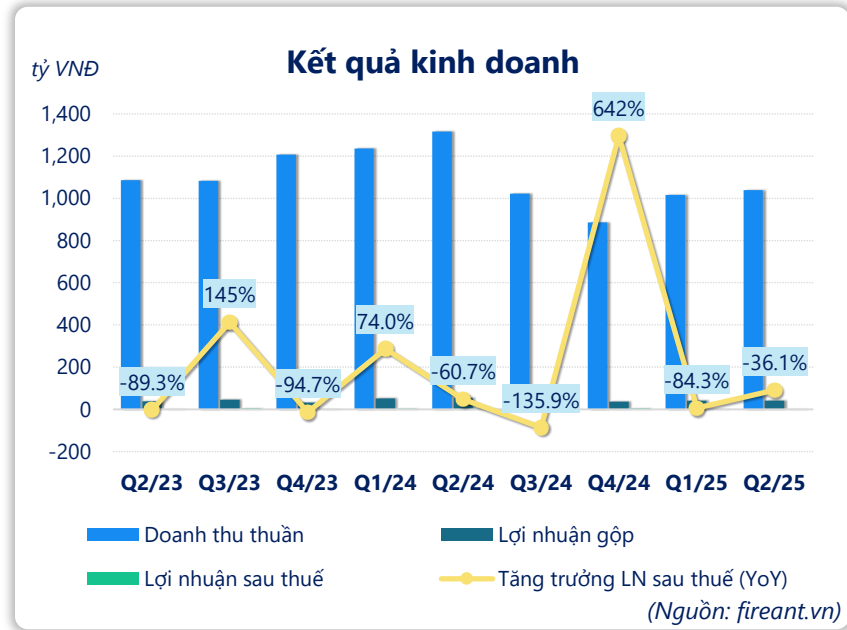


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		9,100
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		10,097
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		7,688
SL cổ phiếu LH		9,343,974
KLGD BQ 20 phiên (CP)		835
% sở hữu nước ngoài		0.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		85
P/E		12.9
EPS		708

	YTD	1T	3T	6T
PPY	3.4%	7.1%	9.2%	9.2%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	319	352	-9.5%
Tài sản ngắn hạn	137	172	-20.0%
Tiền và tương đương tiền	4.69	4.28	9.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	88.5	89.1	-0.6%
Hàng tồn kho	42.6	78.1	-45.4%
Tài sản ngắn hạn khác	1.55	0.29	442%
Tài sản dài hạn	181	180	0.5%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	125	131	-4.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	4.95	3.36	47.3%
Đầu tư tài chính dài hạn	9.36	9.36	0.0%
Tài sản dài hạn khác	41.6	36.9	13.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	168	194	-13.4%
Nợ ngắn hạn	134	160	-16.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	3.38	6.87	-50.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	70.6	103	-31.5%
Nợ dài hạn	33.8	33.8	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	33.8	33.8	0.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	151	158	-4.7%
Vốn chủ sở hữu	151	158	-4.7%
Vốn điều lệ	93.4	93.4	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	1,316	1,023	885	1,016	1,038
Giá vốn hàng bán	1,263	984	849	976	997
Lợi nhuận gộp	53.2	39.1	36.2	40.6	40.7
Doanh thu HĐTC	2.30	0.64	0.45	0.46	3.46
Chi phí TC	1.25	0.78	0.80	0.67	0.70
Chi phí lãi vay	1.25	0.78	0.80	0.67	0.70
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	46.1	36.7	28.2	33.9	36.4
Chi phí QLDN	9.40	8.68	9.51	8.91	8.34
LN thuần từ HĐKD	-1.29	-6.41	-1.85	-2.50	-1.22
Lợi nhuận khác	5.09	5.89	7.73	3.19	3.55
LN trước thuế	3.80	-0.52	5.87	0.69	2.33
Lợi nhuận sau thuế	3.39	-0.39	5.00	0.62	1.39
LNST của CĐ cty mẹ	3.39	-0.39	5.00	0.62	1.39

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	8.93	-8.44	2.96	4.09	2.50
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-2.88	-4.48	-1.21	-1.24	0.67
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-8.14	3.71	-1.86	-1.75	-3.86
Tiền đầu kỳ	15.7	13.6	4.39	4.28	5.38
Lưu chuyển tiền thuần	-2.09	-9.20	-0.11	1.10	-0.69
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	13.6	4.39	4.28	5.38	4.69

(Nguồn: fireant.vn)